

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN PHONG  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2024.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Hữu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Thập, bà Đào Thị Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Mai Hương Giang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh **Hoàng Văn C**, sinh năm 1984 (có mặt).

Trú tại: **Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.**

**Bị đơn:** Chị **Lê Thị P**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: **Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời khai tại Toà án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh **Hoàng Văn C** trình bày:

Anh **C** kết hôn với chị **Lê Thị P** vào ngày 14/12/2011 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.**

Sau khi cưới, vợ chồng sống với nhau tại **thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.** Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, tích cách không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay anh **C** xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết ly hôn với chị **P.**

- Về con chung: Anh **C** và chị **P** có 03 con chung là **Hoàng Ngọc Á**, sinh ngày 19/9/2012; **Hoàng Thùy D**, sinh ngày 08/4/2016 và **Hoàng Minh D1**, sinh ngày 20/8/2022. Cả ba con chung đang sống cùng chị **P**. Vợ chồng ly hôn, anh **C** đồng ý cho chị **P** nuôi cả ba con chung.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Bị đơn là chị **Lê Thị P** vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án, chị **P** trình bày: Chị công nhận lời khai của anh **C** về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn là đúng.

Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, vợ chồng có xảy ra cãi cọ nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, chị **P** có gọi anh **C** về sống nhưng anh **C** không đồng ý. Chị **P** xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đồng ý vì hiện nay các con chung còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như anh **C** trình bày là đúng, cả ba con chung hiện đang sống cùng chị **P**. Nếu vợ chồng buộc phải ly hôn, chị **P** xin nuôi cả ba con chung, không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị **P** đang mở xưởng hàn xì tại nhà, thu nhập nên hàng tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi con.

Tại phiên tòa, anh **Hoàng Văn C** vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị **Lê Thị P**.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Hoàng Văn C** được ly hôn chị **Lê Thị P**.

- Về con chung: Giao cả ba con chung là **Hoàng Ngọc Á**, sinh ngày 19/9/2012; **Hoàng Thùy D**, sinh ngày 08/4/2016 và **Hoàng Minh D1**, sinh ngày 20/8/2022 cho anh **C** nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do đương sự không có yêu cầu

- Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Anh **C** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Hoàng Văn C** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh **C** được ly hôn chị **Lê Thị P**. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn là chị **Lê Thị Phương T** tại **thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh**, do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, điều 28; điều 35; điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh **Hoàng Văn C** và chị **Lê Thị P** đăng ký kết hôn ngày 14/12/2011 tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh**. Việc kết hôn đã tuân đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh **Hoàng Văn C**, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa anh **C** và chị **P** xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau. Chị **P** không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh **C**, chị **P** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **C**, xử cho anh **C** được ly hôn với chị **P**.

[3] Về con chung: Anh **C** và chị **P** có 03 con chung là **Hoàng Ngọc Á**, sinh ngày 19/9/2012, **Hoàng Thùy D**, sinh ngày 08/4/2016 và **Hoàng Minh D1**, sinh ngày 20/8/2022 hiện sống cùng chị **P**. Anh **C** và chị **P** cùng thỏa thuận giao cả ba con chung cho chị **P** nuôi dưỡng. Cháu **Á** và cháu **D** có nguyện vọng sống cùng chị **P**, cháu **D1** dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo cho cuộc sống của cháu **Á**, cháu **D** và cháu **D1** không bị xáo trộn, cần giao cháu **Á**, cháu **D** và cháu **D1** cho chị **P** nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu **Á**, cháu **D** cho chị **P** nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **C**, chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không đề cập xem xét.

Tại phiên tòa chị **P** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị **P** theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Anh **C** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 239, 248, 260, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **Hoàng Văn C.**

1. Về tình cảm vợ chồng: Anh **Hoàng Văn C** được ly hôn chị **Lê Thị P.**

2. Về con chung: Giao cả ba con chung là **Hoàng Ngọc Á**, sinh ngày 19/9/2012; **Hoàng Thùy D**, sinh ngày 08/4/2016 và **Hoàng Minh D1**, sinh ngày 20/8/2022 cho chị **P** nuôi dưỡng và chăm sóc.

Việc cấp dưỡng: Anh **C** và chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có.

4. Về án phí: Anh **Hoàng Văn C** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận anh **Hoàng Văn C** đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02365 ngày 03/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong).

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Đương sự;
- UBND xã Văn Môn;
- Lu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Hữu Hiến**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Tạ Hữu H**

